

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CĐ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 3 - 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CĐ, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm, bà Huỳnh Hoa Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Minh Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Kim Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2024/TLST- HNGĐ ngày 25/10/2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HN ngày 05/02/2025 giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Thanh Hg, sinh năm 1977, nơi cư trú: Ấp 2, xã L, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị Kim Ng, sinh năm 1995, nơi cư trú: Tổ 12, khóm T1, phường P, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hg trình bày:

Ông và bà Ng tự tìm hiểu yêu thương nhau vào năm 2016 được cha mẹ 2 bên làm đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P theo số 27 ngày 18/3/2016. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng ly thân nhiều năm. Nay ông Hg xin được ly hôn với bà Ng. Ông và bà Ng có 01 con chung tên Trần Lê Bảo Q, sinh ngày 21/7/2018, hiện nay đang sống với ông; ông Hg yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Hg không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Kết quả xác minh của Ban khóm T1, phường P, thành phố CD được biết bà Ng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 12, khóm T1, phường P, thành phố CD, tỉnh An Giang. Hiện nay đi đâu làm gì địa phương không rõ.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên bà Ng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Tuy nhiên nguyên đơn ông Hg cung cấp đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bị đơn bà Ng (Thông qua đường Bưu chính). Trong đơn thể hiện bà Ng đồng ý ly hôn với ông Hg và giao con chung cho ông Hg nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông Hg được ly hôn với bà Ng. Về con chung, đề nghị giao ông Hg tiếp tục nuôi dạy con chung; bà Ng không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố CD. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CD theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 27 ngày 18/3/2016 tại Ủy ban nhân dân phường P nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống ông Hg, bà Ng xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau nhiều năm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của ông Hg, bà Ng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Hg khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Ông Hg, bà Ng có 01 con chung tên Trần Lê Bảo Q, sinh ngày 21/7/2018, hiện cháu Anh đang sống cùng với ông Hg. Xét để đảm bảo quyền và lợi ích cho con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử cần giao cho ông Hg tiếp tục nuôi dạy cho đến khi thành niên và có khả năng lao động.

Ông Hg cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hg không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh Hg.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh Hg được ly hôn với bà Lê Thị Kim Ng.

2. Về con chung: Ông Trần Thanh Hg được tiếp tục nuôi dạy con chung Trần Lê Bảo Q, sinh ngày 21/7/2018 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Lê Thị Kim Ng không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Hg cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Hg không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Trần Thanh Hg phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004108 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; ông Hg đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Kim Ng không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. CĐ (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.CĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương